



# TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 1A.9.4/TĐTKT-YT

Mã số thuế

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG Y TẾ

Năm 2016

(Áp dụng cho các doanh nghiệp đơn/cơ sở có hoạt động y tế)

1. Tên doanh nghiệp đơn/cơ sở: .....  
(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Địa chỉ: .....

CQ Thống kê ghi

Tỉnh, TP: .....

Huyện/quận: .....

2. Ngành SXKD chính: .....

(VSIC 2007 - Cấp 5)

### 3. Loại hình cơ sở

- 1. Doanh nghiệp đơn
- 2. Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp
- 3. Trụ sở chính có hoạt động SXKD
- 4. Cơ sở SXKD trực thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp

### 4. Hoạt động y tế của cơ sở thuộc loại nào dưới đây?

(Khoanh tròn vào mã thích hợp trừ mã 7 và mã 10)

- 1 Bệnh viện
- 2 Cơ sở giám định y khoa
- 3 Phòng khám đa khoa
- 4 Phòng khám chuyên khoa, bác sỹ gia đình
- 5 Phòng chẩn trị y học cổ truyền
- 6 Nhà hộ sinh
- 7 Trung tâm y tế cấp tỉnh/huyện
- 8 Cơ sở chẩn đoán
- 9 Cơ sở dịch vụ y tế
- 10 Trạm y tế cấp xã và tương đương
- 11 Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác

### 5. Lao động

#### 5.1. Lao động thời điểm 1/1/2016

Trong đó: Nữ

Người

Người

#### 5.2. Lao động thời điểm 31/12/2016

Đơn vị tính: Người

Tên chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>I</b>
<b>Tổng số</b>	<b>01</b>	
<i>Trong đó: Nữ</i>	02	
<b>Phân theo nhóm tuổi</b>		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	03	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	04	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	05	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	06	
5. Trên 60 tuổi	07	
<b>Phân theo trình độ chuyên môn đào tạo</b>		
1. Chưa qua đào tạo	08	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	09	
3. Sơ cấp	10	
4. Trung cấp	11	
5. Cao đẳng	12	
6. Đại học	13	
7. Thạc sỹ	14	
8. Tiến sỹ	15	
9. Trình độ khác	16	

Tên chỉ tiêu	Mã số	Tổng số
A	B	I
<b>Phân theo lao động chuyên ngành</b>		
1 Tiến sĩ y khoa	17	
2 Tiến sĩ dược	18	
3 Thạc sĩ y khoa	19	
4 Thạc sĩ dược	20	
5 Chuyên khoa I, II y khoa	21	
6 Chuyên khoa I, II dược	22	
7 Bác sĩ	23	
8 Dược sĩ đại học	24	
9 Cử nhân y tế công cộng	25	
10 Y sĩ	26	
11 Dược tá	27	
12 Dược sĩ trung cấp	28	
13 Điều dưỡng	29	
14 Kỹ thuật viên y	30	
15 Kỹ thuật viên dược	31	
16 Hộ sinh	32	
17 Lương y	33	
18 Trình độ khác	34	

**6. Một số kết quả hoạt động SXKD của cơ sở năm 2016**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2016
<b>6.1. Tổng thu</b>	<b>01</b>	
<i>Chia ra:</i>		
- Thu từ hoạt động kinh doanh khám, chữa bệnh	02	
- Thu từ hỗ trợ và viện trợ của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước	03	
- Các khoản thu khác	04	
<b>6.2. Tổng chi</b>	<b>05</b>	
<i>Chia ra:</i>		
- Chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh	06	
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ	07	
- Các khoản chi phí khác	08	
<b>6.3. Thu nhập bình quân của người lao động/tháng</b>	<b>09</b>	
<i>Trong đó:</i> Tiền lương	10	

**7. Số khoa, phòng khám bệnh, phòng bệnh, giường bệnh tại thời điểm 31/12/2016**

- |                                 |                      |        |
|---------------------------------|----------------------|--------|
| 1. Số phòng/ban chức năng       | <input type="text"/> | Phòng  |
| 2. Số khoa cận lâm sàng         | <input type="text"/> | Khoa   |
| 3. Số khoa lâm sàng             | <input type="text"/> | Khoa   |
| 4. Số giường bệnh thực tế       | <input type="text"/> | Giường |
| 5. Số giường bệnh theo kế hoạch | <input type="text"/> | Giường |

**8. Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2016**

- |  |                      |            |
|--|----------------------|------------|
| 1. Số lượt người được khám bệnh<br>(kể cả chỉ xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh...) | <input type="text"/> | Lượt người |
| 2. Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú                                       | <input type="text"/> | Lượt người |

## GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU

**Câu 5. Lao động phân theo trình độ chuyên ngành tại thời điểm 31/12/2016:** căn cứ vào bảng cấp cao nhất hiện có của lao động tại cơ sở để phân tổ theo trình độ chuyên ngành được đào tạo như tiến sỹ y khoa, tiến sỹ dược; thạc sỹ y khoa, thạc sỹ dược; chuyên khoa cấp I, II y khoa, chuyên khoa cấp I, II dược; bác sỹ;...

### **Câu 6. Một số kết quả SXKD của cơ sở năm 2016**

#### **6.1. Tổng thu**

Lưu ý:

- Thu từ hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh không bao gồm doanh thu bán thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế gia dụng như máy đo huyết áp, máy đo đường huyết, máy massage,... (được ghi vào mục “các khoản thu khác”).

- Thu từ hỗ trợ và trợ cấp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước không bao gồm khoản thu vốn góp liên doanh liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đây là khoản vốn đầu tư của doanh nghiệp).

- Khoản thu do được chia lãi đầu tư được ghi vào mục “Các khoản thu khác”.

#### **6.2. Tổng chi**

- *Chi phí hoạt động kinh doanh khám chữa bệnh* bao gồm: toàn bộ các khoản chi được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản thù lao trả cho người lao động được hạch toán vào khoản mục phải trả công nhân viên (TK 334), các khoản chi phí văn phòng phẩm, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, chi phí nguyên nhiên vật liệu, vật tư tiêu hao dùng cho quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí về trang thiết bị là các công cụ dụng cụ, đồ dùng lâu bền và khấu hao tài sản cố định của doanh nghiệp,...

- *Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ* gồm: toàn bộ số tiền doanh nghiệp chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm TSCĐ và sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2016 (làm tăng TSCĐ) từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp, nguồn vốn vay và nhận góp vốn liên doanh của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

**6.3. Thu nhập bình quân của người lao động/tháng:** được tính bằng tổng số tiền cơ sở trả cho người lao động trong năm chia cho (:) tổng số lao động bình quân năm chia cho (:) số tháng thực tế hoạt động trong năm.

Tiền lương cũng được tính tương tự như trên.